

nhiên)”. Sách còn viết: “*Mật ích ngay trong đời này chính là giáo nghĩa bất cộng của kim gia (ngài Thiện Đạo)*”.

Ta thấy sách Bình Giải đã cực lực tán dương thuyết của Thiện Đạo đại sư: Người sẽ được vãng sanh tuy thân còn đang ở trong cõi Sa Bà đã được hưởng lợi ích bí mật là nhập vào Chánh Định Tự; đây là diệu nghĩa thù thắng bất cộng của tổ sư. Gọi là “*mật ích*” vì người vãng sanh ngầm được hưởng lợi ích này. Ngay trong kinh Tiểu Bản cũng có đoạn tương hợp với giáo thuyết này, kinh chép: “*Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc Bất Thoái Chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Nếu có kẻ đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh cõi A Di Đà Phật thì những người ấy đều đắc Bất Thoái Chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Rõ ràng, hết thấy những ai phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ trong quá khứ, tương lai, hiện tại đều được bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề; đủ thấy lợi ích thù thắng bất thoái chuyển hiện hữu cho suốt cả chúng sanh hai cõi, thật tương đồng với huyền chỉ của đoạn kinh Vô Lượng Thọ đây. A Di Đà Phật đại nguyện, đại lực chẳng thể nghĩ bàn.

Cho đến phẩm hai mươi hai này, kinh đã chuyên bàn về sự trang nghiêm nơi y báo, chánh báo cõi Cực Lạc. Đoạn kinh trên nhằm kết thúc những điều bàn luận ấy. Tiếp theo là những phẩm như Thập Phương Phật Tán, Tam Bối Vãng Sanh v.v...

Những nghĩa lý của kinh vẫn trong những phần trên đã được sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận quy kết về tự tâm như sau: “*Các sự trang nghiêm, các việc Phật sự đã nói trên chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, như trăng trong nước, như hình tượng được vẽ ra, như người được hóa hiện bởi huyền thuật. Chúng đều là do thần lực của Phật tùy tâm của chúng sanh mà xuất hiện. Ta nên biết rằng thần lực của hết thấy chúng sanh và thần lực của Như Lai vốn không hai, không khác. Nếu chẳng có đại nguyện, đại hạnh để phát khởi cái nhân thù thắng thì [chúng sanh sẽ] chẳng biết, chẳng hay, trầm luân muôn kiếp. Nếu có thể trong nhất niệm xoay trở lại nhận rõ cái tánh sáng suốt thì mới hay của gia bảo sẵn có như vào núi báu nhật của cải vô tận, như vào Hương quốc chạm vào chỗ nào cũng thơm ngát. Phải đạt đến nơi mới ngơi nghỉ, chớ đừng bỏ cuộc nửa đường*”.

## 23. Thập phương Phật tán (十方佛讚: Mười phương Phật khen ngợi)

Phẩm này gồm ba ý chính:

1. Mười phương chư Phật khen ngợi.
2. Thâm ý những lời khen của chư Phật.
3. Công đức chẳng thể nghĩ bàn của nhất niệm tịnh tín.

### **Chánh kinh:**

復次阿難，東方恆河沙數世界，一一界中如恆沙佛，各出廣長舌相，放無量光，說誠實言，稱讚無量壽佛不可思議功德。南西北方恆沙世界，諸佛稱讚亦復如是。四維上下恆沙世界，諸佛稱讚亦復如是。

*Phục thứ A Nan! Đông phương Hằng hà sa số thế giới, nhất nhất giới trung như Hằng sa Phật, các xuất quang trường thiết tướng, phóng vô lượng quang, thuyết thành thật ngôn, xưng tán Vô Lượng Thọ Phật bất khả tư nghị công đức. Nam, Tây, Bắc phương Hằng sa thế giới, chư Phật xưng tán diệc phục như thị. Tứ duy thượng hạ Hằng sa thế giới, chư Phật xưng tán diệc phục như thị.*

Lại này A Nan! Hằng hà sa số thế giới ở phương Đông, trong mỗi một thế giới, [các vị] Phật như cát sông Hằng, mỗi vị đều hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng quang, nói lời thành thực khen ngợi Vô Lượng Thọ Phật công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chư Phật trong hằng sa thế giới nơi phương Nam, Tây, Bắc cũng khen ngợi như thế. Chư Phật trong hằng sa thế giới ở bốn phương bàng, trên, dưới cũng khen ngợi như vậy.

### **Giải:**

Trước hết nói đến phương Đông là thuận theo thế tục: Mặt trời mọc từ phương Đông. Các thế giới trong phương Đông nhiều như số cát sông Hằng (Hằng hà sa số). Trong mỗi một thế giới đều có Hằng hà sa số Phật. Mỗi đức Phật “các xuất quang trường thiết tướng phóng vô

*lượng quang, thuyết thành thật ngôn*” (đều hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng quang nói lời thành thật).

“*Quảng trường thiệt tướng*” (Tướng lưỡi rộng dài) chính là một trong ba mươi hai tướng hảo. Lưỡi to, dài, mềm mại, đỏ tươi, mỏng mảnh, thè ra có thể che cả mặt đến tận mí tóc. Trong sách Viên Trung Sao, đại sư Cù Am viết: “*Hiện tướng lưỡi rộng dài nhằm biểu thị chẳng hư vọng. Từ vô lượng kiếp đến nay, miệng không phạm bốn lỗi nên cảm được tướng này*”.

Sách Sớ Sao cũng nói: “*Bởi Thế Tôn nhiều kiếp nói lời thành thật nên tướng lưỡi rộng dài khác lạ thường nhân. Nhưng [tướng lưỡi của Phật] lại có thường tướng và hiện tướng khác biệt. Nếu là thường tướng thì ngậm vào vừa khít trong miệng, thè ra thì che cả mặt đến tận mí tóc. Để làm cho ngoại đạo sanh lòng tin, Phật đã từng hiện bày tướng như vậy. Còn nếu là hiện tướng thì có lớn, nhỏ sai khác*”.

Kinh A Di Đà chép: “*Như thị đấng Hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: ‘Nhữ đấng chúng sanh đương tin thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh’* (Hằng hà sa số chư Phật như thế, mỗi vị ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: Chúng sanh các người nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức được hết thầy chư Phật hộ niệm này).

Kinh bảo: “*Biến phủ tam thiên đại thiên thế giới*” (Che khắp tam thiên đại thiên thế giới), đây chính là “hiện tướng” thù thắng. Dem so kinh này với Tiểu Bản thì Đại kinh chẳng nói “*biến phủ*” (che khắp) nhưng nói “*phóng vô lượng quang*” thì biết là tướng lưỡi này chính là quang minh ấy, quang minh ấy chính là tướng lưỡi này chẳng hai, chẳng khác. Kinh nói: “*Phóng vô lượng quang*” nên ta biết rằng pháp âm vang vọng vượt khỏi cả tam thiên đại thiên thế giới.

Sách Viên Trung Sao còn viết tiếp rằng:

“*Kinh Pháp Hoa chỉ nói đến cao nhưng không nói đến rộng nên kinh ấy chỉ nói [pháp âm] thấu đến trời Phạm Thế. Kinh này nói về rộng nhưng chẳng nói đến cao nên bảo là ‘biến phủ tam thiên đại thiên thế giới’.* Cần biết rằng hai kinh nói giống nhau, chỉ vì kinh văn giản lược nên chỉ riêng nêu một phương diện, nhưng đều cùng biểu thị chẳng hư vọng; hiện tướng này để làm cho người nghe sanh lòng tin mà thôi.

Lại xét về nghĩa, thì kinh Pháp Hoa nói đến việc vượt ra ngoài tam giới theo chiều dọc nên chỉ nói đến cao. Kinh này nói cách vượt ngang khỏi tam giới nên chỉ bàn về rộng; nhưng ngang chính là dọc, dọc chính là ngang, vẫn tuy giản lược, nhưng ý nghĩa tương đồng”. Giáo nghĩa này của sách Viên Trung Sao thật là tinh diệu khiến người khác sanh lòng tin sâu xa.

Từ Ân pháp sư lại bảo: “Để chứng thực việc nhỏ thì Phật hiện tướng lưỡi hiện che cả mặt đến tận mí tóc. Nay kinh đây nói che khắp đại thiên là để chứng thực đại sự”. Ngài còn bảo: “Bồ Tát đắc tướng lưỡi che mặt nên chẳng nói hai lời, toàn nói lời chân thật. Lưỡi mới chỉ che mặt thì đã chẳng hư vọng, huống là che được cả đại thiên!” Vì vậy, bọn chúng ta phải nên sanh lòng tin chân thật đối với lời khen ngợi của chư Phật.

“Thuyết thành thật ngôn” (Nói lời thành thật): Nói lời chí thành, chân thật, chẳng dối. Sách Di Đà Sớ Sao nói: “Thành thật ắt là đáng tin vì Thành (誠) là chân thật, khẩn thiết, không trá ngụy. Thật (實) là chắc chắn đúng, chẳng dối. Đó là sự tử hống, vô úy thuyết, dẫn ngàn vị thánh nhân xuất hiện cũng chẳng thể thay đổi được, muôn đời giữ lấy làm khuôn phép vậy”. Sách còn viết: “Thuần chân, dứt vọng, vạn kiếp vẫn như thế. Nói lời thành thật, còn gì hơn thế!” Như vậy, lời chư Phật khen “Vô Lượng Thọ Phật công đức chẳng thể nghĩ bàn” chính là lời cực chân, cực thật, ngàn đức Phật xuất thế cũng chẳng thể biến cải, muôn đời tuân thủ chẳng thể trái nghịch; thuần là chân thật chẳng hề hư vọng. Do vậy, bọn chúng ta đều phải nên tin chắc, chớ ôm lòng nghi.

Về chữ “bát khả tư nghị công đức” (công đức chẳng thể nghĩ bàn) xin xem lại lời giải thích trong phẩm mười một.

Kế đó, kinh nói mười phương hằng sa chư Phật cũng đều khen ngợi đức Di Đà như thế. Sách Hội Sớ nói: “Tuy chư Phật chứng đắc bình đẳng như một, nhưng cái lợi ích Niệm Phật được vãng sanh là diệu pháp bất cộng của Phật Di Đà nên chư Phật nhường đức, dạy quy về một đức Phật. Đây là kết quả của lời nguyện mười bảy vậy”. Ý nói: Phật, Phật đạo đồng, chẳng có cao, thấp; nhưng pháp môn Niệm Phật Vãng Sanh chính là diệu pháp bất cộng của Phật Di Đà nên cái lợi ích đó cũng là bất cộng. Vì vậy, chư Phật kính nhường phẩm đức của A Di Đà Phật, nhằm hiển thị công đức vô biên của hết thảy chư Phật đều quy về một đức Phật Di Đà, ngõ hầu mười phương chúng sanh đều nhập Di Đà nguyện hải, vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đây chính là nguyện thứ mười

bảy “*chư Phật khen ngợi*” được thành tựu. Mười phương Phật khen ngợi thì danh hiệu mới có thể vang khắp mười phương, nhiếp trọn vô biên chúng sanh cùng quy hướng Cực Lạc.

### **Chánh kinh:**

何以故？欲令他方所有眾生，聞彼佛名，發清淨心，憶念受持，歸依供養。乃至能發一念淨信，所有善根，至心迴向，願生彼國。隨願皆生，得不退轉，乃至無上正等菩提。

*Hà dĩ cố? Dục linh tha phương sở hữu chúng sanh, văn bỉ Phật danh, phát thanh tịnh tâm, ức niệm thọ trì, quy y cúng dường. Nãi chí năng phát nhất niệm tịnh tín, sở hữu thiện căn, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tùy nguyện giai sanh, đắc Bất Thoái Chuyển, nãi chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.*

Vì sao thế? Muốn khiến cho tất cả chúng sanh trong các phương khác nghe danh hiệu đức Phật ấy phát tâm thanh tịnh, ức niệm, thọ trì, quy y, cúng dường, cho đến phát sanh được một niệm tịnh tín, [đem] tất cả thiện căn chí tâm hồi hướng nguyện sanh cõi kia, tùy nguyện đều sanh, đắc Bất Thoái Chuyển cho đến thành Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

### **Giải:**

Đoạn này giảng rõ nguyên nhân chủ yếu vì sao chư Phật khen ngợi: Vì muốn cho chúng sanh nghe danh hiệu sanh lòng tin, phát nguyện cầu sanh, ắt chúng Vô Thượng Bồ Đề.

Sách Hội Sớ nói: “*Đây chính là nguyện mười tám được thành tựu. Chỗ quy thú của cả bộ kinh chỉ là ở điểm này. Vì sao vậy? Tuy cả bốn mươi tám nguyện đều thù thắng, nhưng Niệm Phật Vãng Sanh là cốt yếu nhất. Tuy sự thành tựu của mỗi nguyện đều là khó thể nghĩ tưởng nói, nhưng nguyện này thành tựu mới là bất cộng; vì vậy chư Phật ngợi khen*”.

Sách Giáo Hạnh Tín Chứng giảng câu “*văn bỉ Phật danh*” (nghe danh hiệu Phật ấy) như sau: “*Chữ Văn (聞) có nghĩa là chúng sanh nghe gốc ngọn sanh khởi của lời Phật nguyện mà chẳng có tâm nghi thì đó mới là Văn*”. Nghe danh hiệu được phước nên có thể phát sanh lòng tin

thanh tịnh. “*Thanh tịnh tâm*” chính là lòng tin chẳng nghi, còn có nghĩa là lòng tin trong sạch chẳng cấu nhiễm. Sách Thắng Man Bảo Quật, quyển thượng nói: “*Thanh tịnh tâm là lòng tin trong sạch, khởi tâm tin trong sạch, lại còn có nghĩa là tâm chẳng có phiền não lẫn vào thì gọi là tâm thanh tịnh*”.

“*Úc niệm thọ trì*”: Thọ (受) là tin nhận, Trì (持) là giữ vững, Úc (憶) là nhớ đến công đức của Phật, Niệm (念) là niệm danh hiệu Phật. “*Quy y*” (歸依) là thân tâm quy hướng, nương theo chẳng bỏ. “*Cúng dường*” là như sách Huyền Tán bảo: “*Dâng tài, hạnh là Cúng (供); giữ gìn, giúp đỡ là Dường (養)*”. Chữ “*tài, hạnh*” chỉ hai thứ cúng dường:

1. Một là Tài Cúng Dường tức là cúng những vật như hương, hoa, thuốc men, tài vật, dầu, mắt, tủy, não, núi, sông, đại địa...

2. Hai là Pháp Cúng Dường: Tu hành đúng như lời dạy để cúng dường.

Sách Di Đà Sớ Sao viết: “*Thanh Lương đại sư nói: ‘Đại Hạnh hòa thượng đời Cao Tề tôn sùng niệm Phật, dùng bốn chữ để dạy dỗ: Hai chữ **úc niệm** chẳng rời nơi tâm; hai chữ **xưng kính** chẳng rời nơi miệng*”. Đây chính là ý chỉ của câu “*úc niệm thọ trì, quy y cúng dường*” trong kinh này.

Sách Sớ Sao còn nói: “*Để vãng sanh Tịnh Độ phải có lòng tin. Ngàn người tin, ngàn người sanh, vạn người tin, vạn người sanh. Tin vào danh hiệu Phật thì chư Phật liền cứu, chư Phật liền hộ trì. Tâm luôn nhớ Phật, miệng thường niệm Phật, thân luôn kính Phật thì mới gọi là thâm tín. Dù phát tâm sớm hay muộn cũng chẳng hề trụ vào pháp nào của cõi Diêm Phù Đề nữa. Cách thúc đẩy, phát khởi này là thiết yếu nhất*”.

Đoạn kinh này lại đặc biệt nói tới “*nhất niệm tịnh tín*” và “*chí tâm nguyện sanh*”; đây đều là công đức tùy lòng nguyện mà được vãng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Sách Hội Sớ giảng chữ “*nhất niệm*” như sau: “*Nghĩa là chánh nhân vãng sanh chỉ cốt ở lòng tin trong mỗi niệm, chẳng nệ là niệm nhiều hay ít*”. Sách Giáo Hạnh Tín Chứng cũng nói: “*Một niệm có nghĩa là tín tâm không nhị tâm nên bảo là ‘nhất niệm’*”. Đây gọi là Nhất Tâm. Nhất tâm là cái nhân chân chánh của thanh tịnh báo độ, đạt được kim cang chân tâm, vượt ngang khỏi năm đường tám nạn, ắt đạt được mười thứ lợi ích ngay trong đời hiện tại: Một là được

*quỷ thần, thánh chúng thủ hộ, cho đến điều lợi ích thứ mười là nhập Chánh Định Tu”.*

Sách Di Đà Sớ Sao lại viết: *“Tín chính là tịnh tâm. Thành Duy Thức Luận nói: ‘Tín là thật đức có thể nhẫn được đục lạt một cách sâu xa. Tâm tịnh là tánh. Sao lại bảo là tịnh tâm? Là vì tâm thù thắng như thủy thanh châu lóng trong nước đục. Các nhiễm pháp lại đều có tự tướng. Chỉ do chẳng tin nên tự tướng bị vẩn đục, lại khiến cho tâm, tâm sở cũng bị vẩn đục như vật cục dơ đã tự khiến mình dơ lại còn làm dơ vật khác. Tín có thể chuyển biến điều ấy nên tịnh là tướng’. Nay tu Tịnh Độ thì tâm tịnh là điều cốt yếu nên Tín là nhiệm vụ cấp bách thật đã quá rõ vậy”.*

Do đó, kinh A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà Ra Ni dạy: *“An Lạc thế giới, sở hữu Phật pháp bất khả tư nghị, thần thông hiện hóa, chủng chủng phương tiện, bất khả tư nghị. Nhược năng hữu tín như thị chi sự, đương tri thị nhân bất khả tư nghị, sở đắc nghiệp báo diệc bất khả tư nghị”* (Trong thế giới An Lạc, tất cả Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, thần thông biến hóa, các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Nếu ai tin được những việc như vậy thì nên biết là người ấy là chẳng thể nghĩ bàn, đạt được nghiệp báo cũng chẳng thể nghĩ bàn). Sách Yếu Giải cũng nói: *“Chỉ có bậc đại trí mới có thể tin chắc thật”.*

Sách An Lạc Tập dựa theo sách Luận Chú lập ra ba tâm: Một là Thuần Tâm tức là tín tâm sâu dày; hai là Nhất Tâm tức là tín tâm thuần nhất; ba là Tương Tục Tâm tức là tín tâm liên tục chẳng tạp các niệm khác, lại còn bảo: *“Nếu có thể liên tục thì chính là nhất tâm. Nếu có thể nhất tâm thì chính là thuần tâm. Đủ cả ba tâm này mà lại chẳng vãng sanh thì quyết chẳng có lẽ ấy”.*

Xét chung các kinh, luận: Sớ Sao bảo *“Tín chính là tịnh tâm”*, Cổ Âm Kinh bảo tin được những việc như thế là chẳng thể nghĩ bàn; Yếu Giải bảo tín chính là đại trí; An Lạc Tập bảo *“đủ cả ba tâm ấy mà lại chẳng vãng sanh thì quyết chẳng có lẽ ấy”*. Các thuyết trên cùng chỉ rõ tín tâm thanh tịnh là quý nhất.

Kinh này lại thêm hai chữ *“nhất niệm”* thành ra *“nhất niệm tịnh tín”* đủ thấy tín tâm này chính là *“bách xích can đầu, hựu tấn nhất bộ”* (nơi đầu sào trăm thước tiến thêm bước nữa), há có thể suy lường nổi ư! Câu: *“Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm, ngôn ngữ bất dứt, chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai”* trong sách Tín Tâm Minh của Tứ Tổ Thiên Tông thật có cùng một ý chỉ với kinh này.

Sách Hội Sớ bảo tâm tịnh tín là “*chánh nhân để vắng sanh*”; sách Giáo Hạnh Tín Chứng xưng tụng tín tâm là “*cái nhân chân thật của thanh tịnh báo độ*”. Cả hai sách cùng bảo “*nhất niệm chính là nhất tâm*” (Sách Chỉ Quán, quyển năm bảo: “*Nhất tâm có đủ cả mười pháp giới*”). Do đó, nhất tâm chính là thật thể của vạn hữu mà cũng chính là Chân Như). Nhất tâm còn được gọi là kim cang tâm, có khả năng mở toang con mắt trí huệ trong tâm mỗi người. Ở đây, tôi không nói lời thôi nhiều để tránh vẽ rắn thêm chân.

Trong câu “*chí tâm hồi hướng nguyện sanh bỉ quốc*” (chí tâm hồi hướng nguyện sanh cõi kia), chí tâm chính là tâm chí thành được nói trong Quán kinh. Sách Tứ Thiếp Sớ (Quán Kinh Sớ của tổ Thiện Đạo) nói: “*Chí (至) là chân, Thành (誠) là thật. Ý nói: Hết thấy chúng sanh khi tu các hạnh giải nơi thân, khẩu, ý nghiệp thì đều phải thực hiện bằng tâm chân thật; chẳng được bề ngoài làm ra vẻ hiền, thiện, tinh tấn, bên trong ôm lòng hư giả, tham, sân, tà ngụy, gian trá trăm chiều, ác tánh khó lay, sự như rắn rết. Tuy khởi tam nghiệp nhưng chỉ đáng gọi là sự lành tạp độc, cũng gọi là hạnh hư giả, chẳng thể gọi là nghiệp chân thật*”.

“*Hồi hướng*” là đem hết thấy thiện căn chính mình đã tu hướng đến chúng sanh cũng như hướng đến Phật đạo.

Tiếp đó, kinh nói: “*Nguyện sanh bỉ quốc*” (Nguyện sanh sang cõi kia) là hồi hướng tín hạnh của chính mình để cầu vắng sanh. Đây cũng chính là tâm hồi hướng phát nguyện trong ba tâm được nói trong Quán kinh. Kinh dạy: “*Nhất giả chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm, cụ tam tâm giả, tất sanh bỉ quốc*” (Một là tâm chí thành, hai là thâm tâm, ba là tâm hồi hướng phát nguyện. Đủ cả ba tâm, ắt sanh sang cõi kia).

Sách Hội Sớ nói: “*Hồi hướng có tự lực hồi hướng và tha lực hồi hướng. Nếu đem nhân hạnh của chính mình để hồi hướng đến cái quả trong mai sau thì là tự lực. Chuyên cậy vào Phật nguyện, chẳng cậy đến sức lực của chính mình thì là tha lực; chẳng phải là phạm tình hồi hướng nên cũng gọi là bất hồi hướng*” (Chẳng cậy vào tự lực, hoàn toàn dựa vào tha lực thì phạm tình chẳng thể hiểu biết sự hồi hướng như thế nên gọi là “bất hồi hướng”). Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: “*Bồ Tát như thị hồi hướng, tắc bất đọa tướng điên đảo, kiến điên đảo, tâm điên đảo. Hà dĩ có? Thị Bồ Tát bất tham trước hồi hướng có. Thị danh vô thượng hồi hướng*” (Bồ Tát hồi hướng như vậy sẽ chẳng đọa vào tướng điên



đảo, kiến điền đảo, tâm điền đảo. Vì có sao? Vì Bồ Tát ấy chẳng tham đắm mà hồi hướng. Đó gọi là vô thượng hồi hướng). Phạm tình gọi đó là bất hồi hướng, nhưng thật ra chính là vô thượng hồi hướng.

Tịnh Độ là tha lực pháp môn, sáu chữ hồng danh Di Đà và Nhất Thừa nguyện hải đều là Tha Lực. Nương vào Phật nguyện hồi hướng vãng sanh chính là vô thượng hồi hướng. Vì vậy, sanh được một niệm tịnh tín, đem tất cả thiện căn chí thành hồi hướng thì “*tùy nguyện giai sanh*” (tùy nguyện đều sanh) như sách Hội Sớ đã khai thị: “*Chỉ cốt tin được trong một niệm, chẳng nệ niệm nhiều hay ít*”. Sách Yếu Giải cũng bảo: “*Nếu tín nguyện kiên cố thì dầu khi lâm chung mười niệm hay một niệm cũng quyết định được vãng sanh. Nếu không tín nguyện thì dù có trì danh đến mức gió chẳng thổi lọt, mưa chẳng ướt nổi, khác nào tường đồng vách sắt thì cũng chẳng thể vãng sanh nổi!*”

Các bậc đại đức của Trung Hoa lẫn Nhật Bản đều xem tín nguyện là chánh nhân vãng sanh, đều xem tín nguyện là con mắt của cả trời lẫn người. Sách Di Đà Sớ Sao cũng nói: “*Chỉ có nguyện thì không một người nào chẳng sanh. Đã biết là nguyện lực rộng lớn như thế thì há đâu chẳng tin, lẽ nào chẳng nguyện!*”. Người tu Tịnh nghiệp thật phải nên khắc cốt ghi tâm, chẳng chút tạm quên câu “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*” của kinh này cũng như câu “*tín nguyện trì danh*” trong kinh Tiểu Bản vậy.

Sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận cũng bảo “*nhất niệm*” có cùng ý nghĩa với “*chí tâm hồi hướng*”. Luận bảo:

“*Một niệm chí tâm hồi hướng liền được vãng sanh. Hành giả nếu có thể một niệm chân thành tin nhận thì cần gì phải bận tâm đến những thứ phụ trợ khác. Hết thấy chúng sanh nổi trôi trong sanh tử chỉ nghĩ đến một niệm này, không nghĩ gì khác; dầu cho đến lúc ngộ được Chân Tánh, trở về nguồn gốc, thành Đẳng Chánh Giác vẫn chỉ có một niệm này không có niệm nào khác.*”

Đại Trí Độ Luận nói: “*Hành Bát Nhã Ba La Mật Đa thì trong một niệm có thể nghiền thành vi trần hết thấy đại địa, núi non trong các tam thiên đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng trong cả mười phương*”. Sức của nhất niệm chẳng thể nghĩ bàn. Niệm Phật như vậy thì tâm này chính là Phật, Phật chính là tâm, chẳng trong, chẳng ngoài, không trời buộc, không giải thoát, khắp cả núi, sông, đại địa, mười phương hư không chẳng một nơi nào đâu nhỏ bằng hạt cải lại chẳng

*phải là chỗ đực Vô Lượng Thọ Phật hiện thân thuyết pháp, cho đến lý chính là phi lý, nhập ngay vào đại quang minh tạng của Như Lai”.*